TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **26**/2018/DS-ST.
Ngày: 29 - 8 - 2018.
V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự vay tài sản* giữa vợ chồng ông Th, bà K và vợ chồng ông H, bà T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Ry**

2. Ông **Trần Đình Lạc**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **29** tháng **8** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Hồ Minh Th** sinh năm: 1965
và bà **Nguyễn Thị Thu K** sinh năm: 1973

Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị P** sinh năm: 1975

Địa chỉ cư trú: Số 161A Nguyễn Văn Cừ, phường Y, Thành phố Z, tỉnh Lâm Đồng. (*Văn bản ủy quyền lập ngày 26/01/2018*) (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc H** và bà **Phạm Thị Thu T**

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

2/ Ông **Phạm Ngọc V**, sinh năm: 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Vào ngày 13/8/2017 vợ chồng ông Th, bà K có cho vợ chồng ông H, bà T vay 02 lần với số tiền lần 01 là 200.000.000đ, thời hạn vay đến 30/12/2017, lãi suất thỏa thuận là 2,5% và lần 02 là 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, không thỏa

thuận thời hạn trả. Còn ông Phạm Ngọc V chỉ làm chứng chứ không phải là người trực K vay tiền.

Đến hạn vợ chồng ông H, bà T không trả. Vì vậy, vợ chồng ông Th, bà K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà T phải trả số nợ gốc là 300.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1,5% từ ngày vay đến nay.

Bị đơn vợ chồng ông H, bà T và ông V đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông H, bà T và ông V tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về tố tụng*:** Vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Phạm Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Ngọc V và vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 13/8/2017 vợ chồng ông Th, bà K có cho vợ chồng ông H, bà T vay 02 lần với số tiền lần 01 là 200.000.000đ, thời hạn vay đến 30/12/2017, lãi suất thỏa thuận là 2,5% và lần 02 là 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Đến hạn vợ chồng ông H, bà T không trả. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông H, bà T phải trả cho vợ chồng ông Th, bà K tổng số tiền gốc 300.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

Đối với ông V là anh của bà T là người đứng tên trong 02 giấy mượn tiền của vợ chồng ông Th, bà K. Tuy nhiên, ông V và nguyên đơn đều cho rằng việc cho vay là cho vợ chồng ông H, bà T vay, còn ông V chỉ là người làm chứng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng ông H, bà T trả nợ là phù hợp.

Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Th, bà K có cung cấp 02 bản chính giấy mượn tiền trong đó có ghi mức lãi suất hai bên thỏa thuận 2,5%/ tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất giới hạn không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất là 1,5%/tháng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất này. Tiền lãi được tính từ ngày vay

13/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tròn là 12 tháng) x 300.000.000đ x 1,5%/tháng = 54.000.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Th, bà K đối với vợ chồng ông H, bà T. Buộc vợ chồng ông H, bà T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Th, bà K tổng số tiền là 354.000.000đ. Trong đó gốc là 300.000.000; lãi là 54.000.000đ.

- Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, vợ chồng ông H, bà T phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 354.000.000đ x 5% = 17.700.000đ.

Vợ chồng ông Th, bà K không phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K đối với vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K tổng số tiền là 354.000.000đ (*Ba trăm năm mươi tư triệu đồng*). Trong đó tiền gốc là 300.000.000đ; lãi là 54.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Vợ chồng ông Huỳnh Ngọc H, bà Phạm Thị Thu T phải chịu 17.700.000đ (*Mười bảy triệu bảy trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Hồ Minh Th, bà Nguyễn Thị Thu K được nhận lại số tiền 8.062.500đ (*Tám triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số AA/2015/0005090 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường